

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166 /2023/ST-HNGĐ

Ngày 21/12/2023

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Tuấn; Bà Võ Thị Hồng Long

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hoài T** - sinh năm 2001 – có mặt.

Địa chỉ: **Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**

- **Bị đơn:** Anh **Trần Đình P** - sinh năm 1993 - vắng mặt.

Địa chỉ: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **Nguyễn Thị Hoài T** trình bày: Chị **Nguyễn Thị Hoài T** và anh **Trần Đình P** kết hôn vào ngày 30/10/2020, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An**, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh **P** không quan tâm đến gia đình, vợ con, mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần và hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống có quá nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022

cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Đình P.**

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung **Trần Nhật P1** - sinh ngày 19/5/2021. Hiện tại đang sống cùng chị **T**, nếu ly hôn chị **T** có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh **Trần Đình P** phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Hoài T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Vợ chồng chị **T** không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh **Trần Đình P** đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Hoài T**. Cho chị **Nguyễn Thị Hoài T** được ly hôn với anh **Trần Đình P** và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao con chung **Trần Nhật P1** - sinh ngày 19/5/2021 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị **T** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An** nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Trần Đình P tại UBND xã C, huyện C cho biết, sau khi đăng ký kết hôn chị T và anh P sinh sống tại Thôn T, xã C, huyện C, vợ chồng chung sống một thời gian thì cùng nhau đi làm ăn xa, hiện tại anh P và chị T không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh P không khai báo cất khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Đình N, sinh năm 1964 – Trú tại Thôn T, xã C, huyện C là bố đẻ của anh Trần Đình P cho biết, sau khi anh P và chị T kết hôn thì sống tại gia đình ông N một thời gian rồi cùng nhau vào miền nam làm ăn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tuổi trẻ không biết nhường nhịn nhau, gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại xích mích, mâu thuẫn, hiện tại chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh P đi làm ở tỉnh Bình Dương, địa chỉ cụ thể thì ông N không biết, ông N cũng đã gọi điện thông báo cho anh P biết về việc ông đã nhận các văn bản của Tòa án đến tổng đạt cho anh P và khuyên nhủ anh P về giải quyết ly hôn nhưng anh P không về.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đình P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trần Đình P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Đình P không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Trần Đình P có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Trần Đình P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **T** và anh **P** phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị **T** và anh **P** đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh **Trần Đình P** vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị **T** và anh **P** xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ 2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh **P** không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh **P** không khai báo cất khẩu tạm trú, tạm vắng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị Hoài T** và anh **Trần Đình P** không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn cho chị **Nguyễn Thị Hoài T** được ly hôn với anh **Trần Đình P**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung **Trần Nhật P1** - sinh ngày 19/5/2021. Hiện tại đang sống cùng chị **T**, nếu ly hôn chị **T** có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh **Trần Đình P** phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh **P** không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh **P** nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị **T** là chính đáng, cháu **Trần Nhật P1** đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Hoài T** và anh **Trần Đình P** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hoài T** phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Hoài T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hoài T** được ly hôn với anh **Trần Đình P**. Chị **Nguyễn Thị Hoài T** và anh **Trần Đình P** chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung **Trần Nhật P1** - sinh ngày 19/5/2021 cho chị **Nguyễn Thị Hoài T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Anh **Trần Đình P** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị **T** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị **Nguyễn Thị Hoài T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000830 ngày 03/10/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Chi Khê;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lữ Thị Dung